TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 586 /2019/HNST
Ngày: 24/6/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Lê Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thành – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2019/TLST-HN ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐST-HN ngày 10 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1964
Địa chỉ: Đường A, phường B, quận Đ, Tp.HCM
Bị đơn : Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1965
Địa chỉ : Đường A, phường B, quận C, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Thái Văn T trình bày: Ông T và bà D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1985, quyển số 01/P24, ngày 26/3/1985 tại Ủy ban nhân dân quận Đ, Tp.HCM.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, thường xảy ra xung khắc và bất hòa. Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình, trong cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ dành cho nhau nên mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Từ tháng 8/2016 ông T và bà D sống ly thân cho đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị Mỹ D.

Về con chung : Ông T khai có hai con chung tên Thái Quốc T1, sinh năm 1986 và Thái Quốc C, sinh năm 1989, cả hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai Không có

Bà Trần Thị Mỹ D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn, bà Trần Thị Mỹ D vắng mặt không lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ông Thái Văn T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Mỹ D, bà D có nơi cư trú tại quận Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/1985, quyển số 01/P24, ngày 26/3/1985 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Thái Văn T và bà Trần Thị Mỹ D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Nguyên đơn, ông Thái Văn T có đơn xin vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, bà Trần Thị Mỹ D đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông T tại các buổi làm việc, hòa giải, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà D, vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng trong trong cách sống, nuôi dạy con cái, mâu thuẫn trong kinh tế gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông T và bà D đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà D đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng của Tòa nhưng bà D vẫn không đến Tòa làm việc và trình bày ý

kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T chứng tỏ bà D không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không có, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tùng là có căn cứ.

Về con chung: Có hai con chung tên Thái Quốc T1, sinh năm 1986 và Thái Quốc C, sinh năm 1989, cả hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(4) Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Thái Văn T:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ D.

- Về con chung: Có hai con chung tên Thái Quốc T1, sinh năm 1986 và Thái Quốc C, sinh năm 1989, cả hai con đã trưởng thành

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Văn T khai không có.

2. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Thái Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Tùng đã nộp theo biên lai số 0038164 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ

3. *Quyền kháng cáo, kháng nghị:*

Ông Thái Văn T, bà Trần Thị Mỹ D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân quận Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Út

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên – Lê Văn Ngọc **Trần Thị Hồng Út**